

Số: 61/2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;

Xét Tờ trình số 173/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 204/BC-BVHXXH ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đảm bảo nguyên tắc phân bổ vốn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm địa bàn biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

3. Ưu tiên tu bổ, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh hoặc khuyến nghị bảo vệ; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, phát triển du lịch di sản văn hóa và tạo sinh kế bền vững cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở.

Điều 3. Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã, phường:

- Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0;
- Các xã còn lại: Hệ số 4,0;
- Các phường: Hệ số 2,0.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô dân số:

- Các xã, phường có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,2;

- Các xã, phường có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người: Hệ số 0,4;

- Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến 30.000 người: Hệ số 0,6;

- Các xã, phường có quy mô dân số trên 30.000 người: Hệ số 1,0.

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô diện tích:

- Các xã, phường có quy mô diện tích từ 50 km² trở xuống: Hệ số 0,15;

- Các xã, phường có quy mô diện tích trên 50 km² đến 100 km²: Hệ số 0,3;

- Các xã, phường có quy mô diện tích trên 100 km² đến 200 km²: Hệ số 0,48;

- Các xã, phường có quy mô diện tích trên 200 km²: Hệ số 0,95.

d) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh:

- Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0;

- Di tích quốc gia: Hệ số 1,4.

đ) Tiêu chí bổ sung

- Các xã thuộc Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn và các xã, phường có thế mạnh phát triển văn hóa, du lịch gồm: Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc, Tân Trào, Kim Bình, Du Già, Xín Mần, Pà Vầy Sủ, Bắc Mê, Nà Hang, Lâm Bình, Hồng Thái, Minh Xuân, Hà Giang 1, Hà Giang 2: Hệ số 10.

e) Số liệu áp dụng để xác định hệ số theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này: Đối tượng xã, phường xác định theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; quy mô dân số xác định theo số liệu của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm xây dựng phương án phân bổ; quy mô diện tích xác định theo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính; số lượng di tích xác định theo quyết định xếp hạng của cấp có thẩm quyền. Khi các số liệu nêu trên thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật để xây dựng phương án phân bổ cho năm kế hoạch tiếp theo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Phương pháp tính định mức phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí tại khoản 1 Điều này để tính ra, số điểm của mỗi xã, phường và tổng số điểm của mỗi xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách xã, phường, theo các công thức sau:

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo đối tượng xã của xã, phường thứ i là: A_i ;

Gọi tổng số điểm tiêu chí phân bổ theo quy mô dân số của xã, phường thứ i là B_i ;

Gọi tổng số điểm tiêu chí phân bổ theo quy mô diện tích của xã, phường thứ i là C_i ;

Gọi tổng số điểm tiêu chí phân bổ theo di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh thứ i là D_i ;

Gọi tổng số điểm tiêu chí phân bổ bổ sung thứ i là E_i ;

Gọi tổng điểm của mỗi xã, phường thứ i là X_i : $X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$;

Gọi tổng số điểm của n xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách trung ương là Y:

$$Y = \sum_{i=1} X_i$$

b) Số vốn nguyên tắc phân bổ cho một điểm được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình còn lại sau khi phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh;

Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách xã, phường của từng xã, phường được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách xã, phường của xã, phường thứ i:

$$V_i = Z \times X_i$$

3. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho cấp tỉnh và cấp xã quản lý

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

b) Việc phân bổ vốn căn cứ theo nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp:

- Đối với vốn đầu tư công: Căn cứ tổng nguồn vốn chi đầu tư công được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã, trong đó tập trung bố trí nguồn vốn cho các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh như sau:

+ Cấp tỉnh bố trí vốn đầu tư xây dựng không vượt quá 60%: Nâng cấp các thiết chế văn hoá - thể thao cấp tỉnh; Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

+ Cấp xã bố trí vốn tối thiểu bằng 40%: Xây mới, sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở; Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; Bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đối với vốn sự nghiệp:

+ Tổng số vốn sự nghiệp bố trí cho cấp tỉnh tối đa 40% tổng kinh phí nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình và thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch.

+ Tổng số vốn sự nghiệp bố trí cho cấp xã, phường tối thiểu 60% tổng kinh phí nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo phương pháp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguyên tắc bố trí, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng để thực hiện Chương trình bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của trung ương.

2. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng: Bố trí đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp, các nhiệm vụ, dự án phải hoàn thành để đạt mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2030; không bố trí vốn đối ứng cho nhiệm vụ, dự án chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, kỳ họp thứ năm (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Trà